

Về con: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Ngọc S, sinh ngày 16/11/1996 và Phạm Quỳnh Tr, sinh ngày 04/5/2002. Hiện tại cháu S đã trưởng thành, chị không yêu cầu xem xét giải quyết. Đối với cháu Tr, sau ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn anh Phạm Văn Đ, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác. Tại thời điểm tổng đạt văn bản, anh Đ không đồng ý nhận các văn bản trên vì anh không đồng ý ly hôn với chị T.

Mặc dù anh Đ không có ý kiến trình bày, nhưng yêu cầu của nguyên đơn đề nghị giải quyết về nuôi con, theo quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh tranh chấp trong vụ án hôn nhân và gia đình liên quan đến con chưa thành niên theo đúng quy định.

Quá trình làm việc, bị đơn cố tình không nhận văn bản và không đến Tòa án để làm việc nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh Đ vắng mặt nên việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ chỉ tiến hành đối với nguyên đơn và không tiến hành hòa giải được.

Ngày 08/6/2018, Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các đương sự theo quy định. Tại thời điểm tổng đạt, bị đơn anh Phạm Văn Đ từ chối nhận văn bản, Tòa án đã lập biên bản về việc không thực hiện được việc tổng đạt, đồng thời niêm yết văn bản theo quy định. Mặc dù anh Đ đã được triệu tập họp lệ lần thứ nhất, nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử (HĐXX) quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh Đ, chị đề nghị được nuôi con, không yêu cầu anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và không yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Đối với bị đơn anh Đ được Tòa án triệu tập họp lệ lần hai, vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị T về yêu cầu ly hôn anh Phạm Văn Đ; về con giao cháu Phạm Quỳnh Tr, sinh ngày 04/5/2002 cho chị T nuôi dưỡng, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị; về án phí chị T chịu án phí DSST theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

* Về thủ tục tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

* Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Phạm Văn Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị T trình bày là do tính tình vợ chồng không còn hòa hợp, thường xảy ra cãi vã, anh Đ thường xuyên rượu chè, không còn quan tâm đến vợ con. Từ ngày 09 tháng 3 năm 2018 chị đã cùng các con về nhà mẹ đẻ ở xóm 2, xã Nga Th sinh sống. Trong thời gian sống ly thân giữa chị T và anh Đ không còn quan tâm, chăm sóc tới nhau nữa. Quá trình làm việc, anh Đ cố tình vắng mặt tại Tòa án nên anh Đ không có lời khai và Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa hôm nay, anh Đ vẫn vắng mặt, mặc dù đã được tổng đạt các thủ tục tố tụng hợp lệ. Đây là trường hợp cố tình vắng mặt nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt đối với anh Đ. Xét cuộc sống chung của chị T và anh Đ đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể duy trì được nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T ly hôn anh Đ là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về con: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Ngọc S, sinh ngày 16/11/1996 và Phạm Quỳnh Tr, sinh ngày 04/5/2002. Hiện tại cháu S đã trưởng thành chị không yêu cầu xem xét giải quyết. Đối với cháu Tr, sau ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Xét đề nghị nuôi con của chị T là phù hợp thực tế, cháu Tr có nguyện vọng xin ở với mẹ, đồng thời ở lứa tuổi vị thành niên, cháu cần có sự chăm sóc, gần gũi với mẹ, phù hợp về tâm sinh lý của cháu, HĐXX chấp nhận đề nghị của chị T về nuôi con và về việc không yêu cầu anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[4] Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn của chị Trần Thị T, cho chị T được ly hôn anh Phạm Văn Đ.

2. Về con: Giao cháu Phạm Quỳnh Tr, sinh ngày 04/5/2002 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí DSST là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0002706 ngày 12/3/2018 của Chi cục THADS huyện Nga Sơn, chị T đã nộp đủ án phí DSST.

Bản án này là sơ thẩm. Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nga Sơn;
- Các đương sự;
- Phòng GD- KT Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- UBND xã Nga Th;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Huệ